

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thiện và bà Phùng Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 164/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh ngày 29/3/1988; CCCD số: 044188005152, cấp ngày 015/5/2021; nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã H, tỉnh Quảng Trị), có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Đậu Thanh S, sinh ngày 07/12/1985; CCCD số: 044085006868; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã H, tỉnh Quảng Trị). Hiện cư trú tại: A đường X, quận S, thành phố T, Đà Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đậu Thanh S yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 25/02/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh S. Đến tháng 03/2020 vợ chồng bàn bạc làm thủ tục cho anh S đi xuất khẩu lao động tại Đà Loan. Thời gian đầu anh S mới sang Đà Loan vợ chồng vẫn thường xuyên điện thoại liên lạc hỏi thăm, động viên nhau. Đến đầu năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ít liên lạc với

nhau, thỉnh thoảng liên lạc điện thoại cũng chỉ có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng và cãi vã nhau căng thẳng. Từ đó vợ chồng không liên lạc hỏi han quan tâm, lo lắng gì đến nhau, người nào lo công việc của người đó và muốn làm gì thì làm. Mặc dù hai bên gia đình nội ngoại có khuyên bảo vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị T thấy mâu thuẫn đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của hai người không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đậu Thanh S để ổn định cuộc sống và nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Mai Thị T trình bày vợ chồng có 02 con chung cháu Đậu Thanh H, sinh ngày 19/6/2008 và cháu Đậu Mai Bảo C, sinh ngày 22/01/2016. Hiện các con đang sinh sống, học tập cùng với ông bà nội (Bố mẹ anh S) kể từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị phải đi làm xa, các cháu đã sinh sống và học tập ổn định cùng với bà nội, nên chị không muốn xáo trộn cuộc sống của các con và các con cũng mong muốn được sinh sống, học tập cùng anh S và bà nội. Vì vậy, sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được giao con chung cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh S đang làm ăn sinh sống ở nước ngoài, nên tạm giao các con cho ông bà nội được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: Chị Mai Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Đậu Thanh S: Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh S trước khi xuất cảnh và tổng đạt cho người thân của anh S. Ngày 15/7/2025, Tòa án nhận được bản tự khai của anh Đậu Thanh S đề ngày 08/7/2025 được Văn phòng K tại Đ chứng thực, anh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đậu Thanh S nhất trí quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống vợ chồng đúng như chị T trình bày trước Tòa. Đến năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ít liên lạc với nhau, thỉnh thoảng liên lạc điện thoại cũng chỉ có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng và cãi vã nhau căng thẳng, nên vợ chồng không liên lạc hỏi han quan tâm, lo lắng gì đến nhau, người nào lo công việc của người đó và muốn làm gì thì làm. Hiện tại anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh. Anh đồng ý ly hôn để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh Đậu Thanh S trình bày vợ chồng có 02 con chung cháu Đậu Thanh H, sinh ngày 19/6/2008 và cháu Đậu Mai Bảo C, sinh ngày 22/01/2016. Hiện các con đang sinh sống, học tập cùng với ông bà nội (mẹ anh S). Hiện nay, chị T không có công ăn việc làm, kinh tế khó khăn, không đủ điều kiện để quan tâm, lo lắng cho các con. Các con đang sinh sống, học tập ổn định cùng mẹ anh. Anh cũng thường xuyên gửi tiền về cho mẹ để quan tâm, lo lắng cho các cháu đảm bảo cuộc sống học tập. Vì vậy, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền

nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài chưa thể về Việt Nam, nên anh đã liên lạc với mẹ anh giúp anh chăm sóc, nuôi dưỡng các con của anh cho đến khi anh về Việt Nam và mẹ anh cũng đồng ý. Hiện nay anh đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, do điều kiện kinh tế, công việc đi lại khó khăn nên không thể về Việt Nam để có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án được. Vì vậy, cho phép anh được vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án ly hôn. Đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì giữa anh và chị T không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án sớm xét xử, rút ngắn thời gian để xét xử không theo Thông báo thụ lý vụ án để mỗi người sớm ổn định cuộc sống. Anh S xin bảo lưu các ý kiến yêu cầu của anh theo bản tự khai và cam đoan không khiếu nại hay kháng cáo về các nội dung đã trình bày tại bản tự khai.

Tại đơn trình bày ngày 17/6/2025 của các cháu Đậu Thanh H và cháu Đậu Mai Bảo C. Các cháu là con của bố Đậu Thanh S và mẹ Mai Thị T. Từ nhỏ các cháu đã ở với bố S và bà nội. Bố các cháu hiện đang đi làm xa nhưng bố vẫn điện thoại về hỏi thăm động viên các cháu cố gắng học tập tốt, hàng tháng bố cháu gửi tiền về nuôi các cháu ăn học, nên các cháu có nguyện vọng được ở với bố và bà nội.

Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2025, bà Trần Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đậu Thanh S. Hiện nay anh S đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Anh S đã biết việc chị Mai Thị T làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án và anh S đã viết Bản tự khai gửi về cho Tòa án. Vợ chồng S, T có hai con chung Đậu Thanh H và Đậu Mai Bảo C, hiện đang ở với bà được bà chăm sóc, nuôi dưỡng cho ăn học. Con đẻ của bà là Đậu Thanh S có điện thoại về nhờ bà trong thời gian anh S chưa về nước thì bà tạm nuôi hai cháu giúp anh S. Sau này anh S về nước bà sẽ giao lại các cháu cho anh S nuôi dưỡng. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu bà hoàn toàn tự nguyện. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho bà và bà cam đoan sẽ thông báo cho anh S biết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Đậu Thanh S có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị T và bị đơn anh S đều có đơn và ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 228, 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Đậu Thanh S; Về con chung: Giao 02 con chung cháu Đậu Thanh H, sinh ngày 19/6/2008 và cháu Đậu Mai Bảo C, sinh ngày 22/01/2016 cho anh Đậu Thanh S được chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị Mai Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh S mỗi tháng 2.000.000

đồng cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi. Hiện nay anh S đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, nên tạm giao cho bà Trần Thị T1 (mẹ đẻ anh S) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh S về Việt Nam; Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Đậu Thanh S đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp thì anh S hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh S trước khi xuất cảnh và tổng đạt cho người thân của anh S. Ngày 15/7/2025, Tòa án nhận bản tự khai của anh Đậu Thanh S đề ngày 08/7/2025 được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Anh S đã trình bày ý kiến, yêu cầu của anh S đối với yêu cầu của chị Đinh Thị T2 theo quy định tại các Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 27/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất. Chị T2 và anh S đều vắng mặt lần thứ nhất nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn, ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ các Điều 228, 238, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Đậu Thanh S tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 25/02/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01/58. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh S. Đến tháng 03/2020 vợ chồng bàn bạc làm thủ tục cho anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh S mới sang Đài Loan vợ chồng vẫn thường xuyên điện thoại liên lạc hỏi thăm, quan tâm động viên nhau. Đến đầu năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ít liên lạc với nhau, thỉnh thoảng liên lạc điện thoại cũng chỉ có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng và cãi vã nhau căng thẳng. Từ đó, vợ chồng không liên lạc hỏi han quan tâm, lo lắng gì đến nhau, người nào lo và biết công việc của người đó và muốn làm gì thì làm. Mặc dù hai bên gia đình nội ngoại có khuyên bảo vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay, chị T thấy mâu thuẫn đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của hai người không có khả năng hàn

gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đậu Thanh S để ổn định cuộc sống bản thân; còn anh S đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh S trước khi xuất cảnh và tổng đạt cho người thân của anh S và gia đình anh S đã thông báo cho anh biết việc chị Mai Thị T làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án. Anh S đã có bản tự khai cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021, nên vợ chồng ít còn điện thoại liên lạc, thỉnh thoảng liên lạc điện thoại cũng chỉ có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng và cãi vã nhau căng thẳng, nên vợ chồng không liên lạc hỏi han quan tâm, lo lắng gì đến nhau, người nào lo công việc của người đó và muốn làm gì thì làm. Hiện anh S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T xin được ly hôn anh Đậu Thanh S là phù hợp với điều kiện thực tế và ý kiến, yêu cầu của chị T và anh S, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của chị T, anh S và các con chung, thấy: Sau khi anh Đậu Thanh S đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, các cháu H và C sống cùng chị T tại nhà anh bố mẹ anh S. Do vợ chồng mâu thuẫn và điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên chị T gửi hai con lại cho mẹ anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay hai con chung đã sinh sống, học tập ổn định cùng bà nội các cháu (bà Trần Thị T1), anh S cũng thường xuyên gửi tiền về cho mẹ anh để quan tâm, lo lắng cho cuộc sống sinh hoạt học tập của các con và điện thoại về cho các con thăm hỏi, động viên các con, nên các con chung cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng anh S và bà nội, nên cả chị T và anh S đều không muốn làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, học tập của các con chung. Vì vậy, anh S có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, nhưng hiện nay anh S đang sinh sống làm việc tại nước ngoài, nên tạm giao cho mẹ anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, bà nội các cháu (bà Trần Thị T1) cũng nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, nên chị T cũng nhất trí như ý kiến của anh S và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con chung trưởng thành 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận ý kiến, yêu cầu của chị T và anh S. Giao hai con chung cháu Đậu Thanh H, sinh ngày 19/6/2008 và cháu Đậu Mai Bảo C, sinh ngày 22/01/2016 cho anh Đậu Thanh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Mai Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh S mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi. Hiện nay anh S đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài nên tạm giao hai con chung cho bà Trần Thị T1 (Bà nội hai cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh S về Việt Nam là phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến nguyện vọng của chị T, anh S, các cháu H, C, điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Thị T và anh Đậu Thanh S không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 228, 238, 469, 474, 475; điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Đậu Thanh S. Hôn nhân của chị Mai Thị T và anh Đậu Thanh S chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Đậu Thanh H, sinh ngày 19/6/2008 và cháu Đậu Mai Bảo C, sinh ngày 22/01/2016 cho anh Đậu Thanh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị Mai Thị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh S mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2025 cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi. Hiện nay anh S đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, nên tạm giao hai cháu H và cháu C cho bà Trần Thị T1 (Bà nội hai cháu) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh Đậu Thanh S về Việt Nam.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0005464 ngày 12/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn chị Mai Thị T và bị đơn anh Đậu Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự; (Đã Ký)
- UBND xã Trường Phú, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Viết Hải